

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH NỘI DUNG THÔNG TƯ QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP VÀ CÁC BIỆN PHÁP LÂM SINH VỚI VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH

TT	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO THÔNG TƯ QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP VÀ CÁC BIỆN PHÁP LÂM SINH	THUYẾT MINH
I	Tên Thông tư		
	- Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT (TT84) ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về quy định chi tiết một số nội dung của Luật Lâm nghiệp và sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm (<i>Mục 1. Quản lý giống cây trồng lâm nghiệp - Chương II</i>) - Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT (TT29) ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về các biện pháp lâm sinh. - Thông tư số 17/2022/TT-BNNPTNT (TT17) ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT. - Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT (TT15) ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về Hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh. - Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT (TT22) ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh	Quy định về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp và các biện pháp lâm sinh	Tên Thông tư được xác định trên cơ sở hợp nhất các nhóm quy định đang được điều chỉnh tại Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT, Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT, Thông tư số 17/2022/TT-BNNPTNT và các quy định còn phù hợp về nghiệm thu công trình lâm sinh. Cách đặt tên phản ánh đầy đủ nội dung chủ yếu, ngắn gọn, rõ phạm vi và phù hợp kỹ thuật đặt tên văn bản quy phạm pháp luật.

TT	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO THÔNG TƯ QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP VÀ CÁC BIỆN PHÁP LÂM SINH	THUYẾT MINH
	vực lâm nghiệp. (Điều 7. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT) - Thông tư số 24/2024/TT-BNNPTNT (TT24) ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung một số điều của của các thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp. (Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2019/TT- BNNPTNT ngày 30/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh).		
II	Chương I. Quy định chung	Chương I. Quy định chung	Giữ nguyên Chương I về quy định chung để bảo đảm kết cấu thông dụng của Thông tư, gồm phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và giải thích từ ngữ. Nội dung được rà soát, hệ thống hóa và bổ sung cho phù hợp với phạm vi điều chỉnh mở rộng của văn bản mới.
	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	Giữ tên Điều 1; nội dung được tổng hợp từ các văn bản hiện hành và sắp xếp thành 03 nhóm: quản lý giống cây trồng lâm nghiệp; các biện pháp lâm sinh; nghiệm thu hoạt động lâm sinh, bảo vệ rừng và trồng cây phân tán. Cách quy định này làm rõ đầy đủ phạm vi của Thông tư và hạn chế

TT	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO THÔNG TƯ QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP VÀ CÁC BIỆN PHÁP LÂM SINH	THUYẾT MINH
			phải dẫn chiếu nhiều văn bản.
TT 84	Quy định chi tiết Điều 44 về phát triển giống cây trồng lâm nghiệp của Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 16/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15 và Luật số 146/2025/QH15 (sau đây viết tắt là Luật Lâm nghiệp).	1. Quản lý giống cây trồng lâm nghiệp, gồm: bảo tồn nguồn gen; chọn, tạo, phục tráng, lưu giữ, sản xuất, cung ứng giống gốc và vật liệu giống; trình tự, thủ tục công nhận giống, nguồn giống; sản xuất, kinh doanh giống; danh mục loài cây trồng lâm nghiệp chính; xuất khẩu, nhập khẩu giống;	Cơ bản kế thừa phạm vi quản lý giống cây trồng lâm nghiệp tại Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT. Nội dung được diễn đạt lại theo hướng liệt kê đầy đủ các khâu quản lý, từ bảo tồn nguồn gen, chọn tạo, lưu giữ giống gốc, công nhận giống và nguồn giống đến sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu giống; bảo đảm thống nhất với Điều 44 Luật Lâm nghiệp.
TT 29	Thông tư này quy định các biện pháp lâm sinh, bao gồm: 1. Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên; khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung; 2. Nuôi dưỡng rừng, làm giàu rừng; 3. Cải tạo rừng tự nhiên; 4. Trồng rừng mới, trồng lại rừng; chăm sóc, nuôi dưỡng rừng trồng.	2. Các biện pháp lâm sinh, gồm: Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên; khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung; nuôi dưỡng, làm giàu rừng; cải tạo rừng tự nhiên; trồng rừng mới, trồng lại rừng; chăm sóc, nuôi dưỡng rừng trồng;	Kế thừa đầy đủ các biện pháp lâm sinh tại Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT và Thông tư số 17/2022/TT-BNNPTNT; chỉ sắp xếp, gộp câu để ngắn gọn, tránh lặp. Việc đưa chăm sóc và nuôi dưỡng rừng trồng vào cùng nhóm làm rõ đây là các biện pháp kỹ thuật liên tục trong quá trình hình thành và phát triển rừng trồng.
TT 15	Thông tư này quy định việc nghiệm thu kết quả một số hoạt động đầu tư, hỗ trợ đầu tư công trình lâm sinh, gồm: trồng rừng,	3. Nghiệm thu kết quả hoạt động đầu tư, hỗ trợ đầu tư về: trồng rừng, phát triển lâm sản ngoài gỗ, chăm	Kế thừa phạm vi nghiệm thu đang được quy định tại Thông tư số 15/2019/TT-

TT	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO THÔNG TƯ QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP VÀ CÁC BIỆN PHÁP LÂM SINH	THUYẾT MINH
	phát triển lâm sản ngoài gỗ, chăm sóc rừng trồng, nuôi dưỡng rừng trồng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung, nuôi dưỡng rừng tự nhiên, làm giàu rừng tự nhiên, cải tạo rừng tự nhiên; nghiệm thu bảo vệ rừng; nghiệm thu trồng cây phân tán.	sóc rừng trồng, nuôi dưỡng rừng trồng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung, nuôi dưỡng rừng tự nhiên, làm giàu rừng tự nhiên, cải tạo rừng tự nhiên; bảo vệ rừng; trồng cây phân tán.	BNNPTNT và các văn bản sửa đổi, bổ sung; bỏ cụm từ “một số” để phản ánh đầy đủ các hoạt động thuộc phạm vi Thông tư. Nội dung nghiệm thu được tích hợp nhằm bảo đảm tiêu chí nghiệm thu thống nhất trực tiếp với quy định kỹ thuật của từng biện pháp lâm sinh.
	Điều 2. Đối tượng áp dụng	Điều 2. Đối tượng áp dụng	Giữ tên Điều 2; phạm vi đối tượng được rà soát và hợp nhất từ các Thông tư hiện hành để áp dụng chung cho toàn bộ nội dung của văn bản mới.
	TT 22 Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến nội dung quy định tại Điều 1 Thông tư này. TT 29 Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư có hoạt động liên quan đến các biện pháp lâm sinh quy định tại Điều 1 Thông tư 29. TT 15 Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư có hoạt động liên quan đến nghiệm thu kết quả một số hoạt động đầu tư, hỗ trợ đầu tư công trình lâm sinh, nghiệm thu bảo vệ rừng, nghiệm thu trồng cây phân tán quy định tại Điều 1 Thông tư này có sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước.	Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư có hoạt động liên quan đến nội dung quy định tại Điều 1 Thông tư này.	Viết lại theo hướng bao quát tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư có hoạt động liên quan đến quản lý giống, thực hiện biện pháp lâm sinh hoặc nghiệm thu. Quy định này khắc phục sự khác nhau về cách xác định đối tượng áp dụng giữa các Thông tư hiện hành, đồng thời không làm mở rộng nghĩa vụ ngoài phạm vi Điều 1.
	Điều 3. Giải thích từ ngữ	Điều 3. Giải thích từ ngữ	Giữ tên Điều 3; hợp nhất các thuật ngữ chuyên ngành về

TT	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO THÔNG TƯ QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP VÀ CÁC BIỆN PHÁP LÂM SINH	THUYẾT MINH
			giống cây trồng lâm nghiệp, biện pháp lâm sinh và nghiệm thu trong một điều để bảo đảm cách hiểu thống nhất khi áp dụng.
	TT 84 Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: 1. <i>Cây trồng lâm nghiệp</i> là những loài cây gỗ, cây lâm sản ngoài gỗ, cây đa mục đích khác trồng trên đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất và trồng phân tán. 2. <i>Giống cây trồng lâm nghiệp</i> là một quần thể có đặc điểm phân biệt được với quần thể cây trồng lâm nghiệp khác thông qua biểu hiện của ít nhất một đặc tính và được di truyền cho thế hệ sau; bảo đảm tính đồng nhất về hình thái, ổn định qua các chu kỳ nhân giống và có giá trị canh tác, giá trị sử dụng. 3. <i>Giống gốc giống cây trồng lâm nghiệp</i> là giống được nhân lần đầu từ cây trội, cây đầu dòng của một giống đã được công nhận hoặc giống phục tráng, bao gồm: hạt giống, củ giống, rễ, thân, cành, mắt ghép, chồi hoặc mô, cây mô trong bình và cây con để làm vật liệu nhân giống. 4. <i>Giống phục tráng</i> là giống được nhân từ cây trội, cây đầu dòng được chọn lọc lại từ giống đã được công nhận và được áp dụng các biện pháp kỹ thuật nhằm duy trì và khôi phục các tính trạng di truyền ban đầu của giống gốc, khắc phục hiện tượng giống thoái hóa, suy giảm năng suất, chất lượng. 5. <i>Loài cây trồng lâm nghiệp chính</i> là loài cây lâm nghiệp được trồng phổ biến, có tầm quan trọng trong phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường cần được quản lý chặt chẽ. 6. <i>Loài cây sinh trưởng nhanh</i> là loài cây có tăng trưởng đường kính bình quân đạt từ 02 cm/năm trở lên hoặc năng suất	Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: 1. <i>Cây trồng lâm nghiệp</i> là những loài cây gỗ, cây lâm sản ngoài gỗ, cây đa mục đích khác trồng trên đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất và trồng phân tán. 2. <i>Giống cây trồng lâm nghiệp</i> là một quần thể có đặc điểm phân biệt được với quần thể cây trồng lâm nghiệp khác thông qua biểu hiện của ít nhất một đặc tính và được di truyền cho thế hệ sau; bảo đảm tính đồng nhất về hình thái, ổn định qua các chu kỳ nhân giống và có giá trị canh tác, giá trị sử dụng. 3. <i>Giống gốc giống cây trồng lâm nghiệp</i> là giống được nhân lần đầu từ cây trội, cây đầu dòng của một giống đã được công nhận hoặc giống phục tráng, bao gồm: hạt giống, củ giống, rễ, thân, cành, mắt ghép, chồi hoặc mô, cây mô trong bình và cây con để làm vật liệu nhân giống. 4. <i>Giống phục tráng</i> là giống được nhân từ cây trội, cây đầu dòng được chọn lọc lại từ giống đã được công nhận và được áp dụng các biện pháp kỹ thuật nhằm duy trì và khôi phục các tính trạng di truyền ban đầu của giống gốc, khắc phục hiện tượng giống thoái hóa, suy giảm năng suất, chất lượng. 5. <i>Loài cây trồng lâm nghiệp chính</i> là loài cây lâm nghiệp được trồng phổ biến, có vai trò quan trọng	Cơ bản kế thừa các thuật ngữ còn phù hợp của Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT, Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT và Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT; đánh số lại liên tục và loại bỏ nội dung trùng lặp. Một số thuật ngữ được chỉnh lý để rõ nội hàm, gồm: làm rõ yêu cầu quản lý về nguồn gốc, chất lượng đối với loài cây trồng lâm nghiệp chính; bổ sung cách hiểu “cây mẹ” gắn với cây trội; hoàn thiện khái niệm cây trồng chính, cây phù trợ, cây mục đích, cây phi mục đích và rừng phục hồi. Việc chỉnh lý nhằm thống nhất thuật ngữ trong toàn văn, tránh một đối tượng được gọi bằng nhiều tên khác nhau.

TT	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO THÔNG TƯ QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP VÀ CÁC BIỆN PHÁP LÂM SINH	THUYẾT MINH
	bình quân trong một chu kỳ kinh doanh đạt từ 15 m³/ha/năm trở lên. 7. <i>Loài cây sinh trưởng chậm</i> là loài cây có tăng trưởng đường kính bình quân đạt dưới 02cm/năm hoặc năng suất bình quân trong một chu kỳ kinh doanh đạt dưới 15m³/ha/năm. 8. <i>Nguồn giống cây trồng lâm nghiệp</i> là nơi cung cấp vật liệu nhân giống, bao gồm: lâm phần tuyển chọn, rừng giống chuyển hóa, rừng giống trồng, vườn giống, cây trội, cây đầu dòng và vườn cây đầu dòng. 9. <i>Lâm phần tuyển chọn</i> là khu rừng tự nhiên hoặc rừng trồng được tuyển chọn, chưa tác động các biện pháp kỹ thuật lâm sinh để nâng cao chất lượng giống và được cơ quan có thẩm quyền công nhận để cung cấp vật liệu nhân giống. 10. <i>Rừng giống chuyển hóa</i> là khu rừng tự nhiên hoặc rừng trồng được tuyển chọn, đã tác động các biện pháp kỹ thuật lâm sinh theo quy định và được cơ quan có thẩm quyền công nhận để cung cấp vật liệu nhân giống. 11. <i>Rừng giống trồng</i> là khu rừng được trồng không theo sơ đồ bằng cây gieo ươm từ hạt thu hái từ cây trội, được cơ quan có thẩm quyền công nhận để cung cấp vật liệu nhân giống. 12. <i>Vườn giống</i> là khu rừng được trồng theo sơ đồ nhất định từ cây giống nhân giống từ dòng vô tính (vườn giống vô tính) hoặc từ hạt (vườn giống hữu tính) của cây trội hoặc cây đầu dòng đã được tuyển chọn, được cơ quan có thẩm quyền công nhận để cung cấp vật liệu nhân giống. 13. <i>Cây trội</i> là cây được tuyển chọn trong rừng tự nhiên, rừng trồng, rừng giống chuyển hóa, rừng giống trồng, vườn giống hoặc cây trồng phân tán, có đặc điểm sinh trưởng, hình thái, năng suất hoặc chất lượng vượt trội, được cơ quan có thẩm quyền công nhận để cung cấp vật liệu nhân giống.	đối với phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường <i>và cần được quản lý về nguồn gốc và chất lượng giống.</i> 6. <i>Loài cây sinh trưởng nhanh</i> là loài cây có tăng trưởng đường kính bình quân đạt từ 02 cm/năm trở lên hoặc năng suất bình quân trong một chu kỳ kinh doanh đạt từ 15 m³/ha/năm trở lên. 7. <i>Loài cây sinh trưởng chậm</i> là loài cây có tăng trưởng đường kính bình quân đạt dưới 02cm/năm hoặc năng suất bình quân trong một chu kỳ kinh doanh đạt dưới 15m³/ha/năm. 8. <i>Nguồn giống cây trồng lâm nghiệp</i> là nơi cung cấp vật liệu nhân giống, bao gồm: lâm phần tuyển chọn, rừng giống chuyển hóa, rừng giống trồng, vườn giống, cây trội, cây đầu dòng và vườn cây đầu dòng. 9. <i>Lâm phần tuyển chọn</i> là khu rừng tự nhiên hoặc rừng trồng được tuyển chọn, chưa tác động các biện pháp kỹ thuật lâm sinh để nâng cao chất lượng giống và được cơ quan có thẩm quyền công nhận để cung cấp vật liệu nhân giống. 10. <i>Rừng giống chuyển hóa</i> là khu rừng tự nhiên hoặc rừng trồng được tuyển chọn, đã tác động các biện pháp kỹ thuật lâm sinh theo quy định và được cơ quan có thẩm quyền công nhận để cung cấp vật liệu nhân giống. 11. <i>Rừng giống trồng</i> là khu rừng được trồng không theo sơ đồ bằng cây gieo ươm từ hạt thu hái từ cây trội, được cơ quan có thẩm quyền công nhận để cung cấp vật liệu nhân giống. 12. <i>Vườn giống</i> là khu rừng được trồng theo sơ đồ nhất định từ cây giống nhân giống từ dòng vô tính	

TT	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO THÔNG TƯ QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP VÀ CÁC BIỆN PHÁP LÂM SINH	THUYẾT MINH
	14. <i>Cây đầu dòng</i> là cây được bình tuyển, đánh giá và được cơ quan có thẩm quyền công nhận từ quần thể của một giống cây trồng lâm nghiệp, có đặc tính di truyền ổn định, sinh trưởng, năng suất và chất lượng phù hợp với mục tiêu chọn giống, chưa có biểu hiện sâu, bệnh hại để cung cấp vật liệu nhân giống vô tính. 15. <i>Vườn cây đầu dòng</i> là vườn cây được trồng bằng cây giống vô tính nhân từ cây đầu dòng hoặc nhân giống vô tính từ giống gốc, được cơ quan có thẩm quyền công nhận để cung cấp vật liệu sản xuất giống vô tính. 16. <i>Trồng thử nghiệm</i> là hoạt động trồng, theo dõi và đánh giá năng suất, chất lượng, khả năng chống chịu sâu, bệnh hại hoặc điều kiện bất lợi khác của giống trồng thử nghiệm. 17. <i>Vật liệu nhân giống cây trồng lâm nghiệp</i> là cây hoặc bộ phận của cây có khả năng phát triển thành cây hoàn chỉnh, được dùng nhân giống hoặc để gieo trồng. 18. <i>Khảo nghiệm giống cây trồng lâm nghiệp</i> là hoạt động theo dõi, đánh giá, so sánh các chỉ tiêu để xác định tính khác biệt, tính đồng nhất, tính ổn định, giá trị canh tác, giá trị sử dụng của giống cây trồng lâm nghiệp theo phương pháp nhất định. 19. <i>Khảo nghiệm xuất xứ giống cây trồng lâm nghiệp</i> là hoạt động theo dõi, đánh giá, so sánh các chỉ tiêu khảo nghiệm của các xuất xứ của loài trên một số điều kiện lập địa nhất định nhằm lựa chọn những xuất xứ có tính ổn định, đáp ứng yêu cầu sản xuất và sử dụng. 20. <i>Khảo nghiệm hậu thế giống cây trồng lâm nghiệp</i> là hoạt động theo dõi, đánh giá, so sánh các chỉ tiêu khảo nghiệm cây thế hệ sau của các cây trội đã được chọn lọc và đánh giá nhằm chọn được cây trội có khả năng di truyền các đặc tính mong muốn cho đời sau.	(vườn giống vô tính) hoặc từ hạt (vườn giống hữu tính) của cây trội hoặc cây đầu dòng đã được tuyển chọn, được cơ quan có thẩm quyền công nhận để cung cấp vật liệu nhân giống. 13. <i>Cây trội (cây mẹ)</i> là cây được tuyển chọn trong rừng tự nhiên, rừng trồng, rừng giống chuyển hóa, rừng giống trồng, vườn giống hoặc cây trồng phân tán, có đặc điểm sinh trưởng, hình thái, năng suất hoặc chất lượng vượt trội, được cơ quan có thẩm quyền công nhận để cung cấp vật liệu nhân giống. 14. <i>Cây đầu dòng</i> là cây được bình tuyển, đánh giá và được cơ quan có thẩm quyền công nhận từ quần thể của một giống cây trồng lâm nghiệp, có đặc tính di truyền ổn định, sinh trưởng, năng suất và chất lượng phù hợp với mục tiêu chọn giống, chưa có biểu hiện sâu, bệnh hại để cung cấp vật liệu nhân giống vô tính. 15. <i>Vườn cây đầu dòng</i> là vườn cây được trồng bằng cây giống vô tính nhân từ cây đầu dòng hoặc nhân giống vô tính từ giống gốc, được cơ quan có thẩm quyền công nhận để cung cấp vật liệu sản xuất giống vô tính. 16. <i>Trồng thử nghiệm</i> là hoạt động trồng, theo dõi và đánh giá năng suất, chất lượng, khả năng chống chịu sâu, bệnh hại hoặc điều kiện bất lợi khác của giống trồng thử nghiệm. 17. <i>Vật liệu nhân giống cây trồng lâm nghiệp</i> là cây hoặc bộ phận của cây có khả năng phát triển thành cây hoàn chỉnh, được dùng nhân giống hoặc để gieo trồng.	

TT	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO THÔNG TƯ QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP VÀ CÁC BIỆN PHÁP LÂM SINH	THUYẾT MINH
	21. <i>Khảo nghiệm dòng vô tính giống cây trồng lâm nghiệp</i> là hoạt động theo dõi, đánh giá, so sánh các chỉ tiêu khảo nghiệm của các dòng vô tính so với giống đã có hoặc giống đang được gieo trồng phổ biến tại địa phương nhằm lựa chọn những dòng vô tính có tính ổn định, đáp ứng yêu cầu sản xuất và sử dụng. 22. <i>Tính khác biệt của giống cây trồng lâm nghiệp</i> là khả năng phân biệt một cách rõ ràng của giống đó với các giống cây trồng lâm nghiệp khác đã được biết đến rộng rãi. 23. <i>Tính đồng nhất của giống cây trồng lâm nghiệp</i> là sự biểu hiện giống nhau của giống cây trồng lâm nghiệp về các tính trạng liên quan, trừ những sai lệch trong phạm vi cho phép đối với một số tính trạng cụ thể trong quá trình nhân giống. 24. <i>Tính ổn định của giống cây trồng lâm nghiệp</i> là sự biểu hiện ổn định của các tính trạng liên quan như mô tả ban đầu, không bị thay đổi sau mỗi chu kỳ nhân giống. 25. <i>Lưu giữ nguồn gen tại chỗ (in-situ)</i> là hình thức bảo tồn, duy trì và quản lý nguồn gen giống cây trồng lâm nghiệp ngay trong môi trường sống tự nhiên, tại khu vực phân bố tự nhiên của loài, nhằm duy trì tính đa dạng di truyền, khả năng sinh trưởng, khả năng tái sinh và quá trình tiến hóa tự nhiên. 26. <i>Lưu giữ nguồn gen chuyển chỗ (ex-situ)</i> là lưu giữ ngoài phạm vi phân bố tự nhiên, trong ngân hàng gen (kho lạnh, môi trường nitơ lạnh hoặc hình thức bảo quản phù hợp khác); lưu giữ trong ống nghiệm (in-vitro) hoặc trong vườn thực vật, vườn sưu tập thực vật, rừng giống, vườn giống. TT 29 Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: 1. Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên là biện pháp lâm sinh phát huy tối đa khả năng tái sinh, diễn thế tự nhiên để phục hồi rừng bằng các biện pháp bảo vệ, chống chặt phá,	18. <i>Khảo nghiệm giống cây trồng lâm nghiệp</i> là hoạt động theo dõi, đánh giá, so sánh các chỉ tiêu để xác định tính khác biệt, tính đồng nhất, tính ổn định, giá trị canh tác, giá trị sử dụng của giống cây trồng lâm nghiệp theo phương pháp nhất định. 19. <i>Khảo nghiệm xuất xứ giống cây trồng lâm nghiệp</i> là hoạt động theo dõi, đánh giá, so sánh các chỉ tiêu khảo nghiệm của các xuất xứ của loài trên một số điều kiện lập địa nhất định nhằm lựa chọn những xuất xứ có tính ổn định, đáp ứng yêu cầu sản xuất và sử dụng. 20. <i>Khảo nghiệm hậu thế giống cây trồng lâm nghiệp</i> là hoạt động theo dõi, đánh giá, so sánh các chỉ tiêu khảo nghiệm cây thế hệ sau của các cây trội đã được chọn lọc và đánh giá nhằm chọn được cây trội có khả năng di truyền các đặc tính mong muốn cho đời sau. 21. <i>Khảo nghiệm dòng vô tính giống cây trồng lâm nghiệp</i> là hoạt động theo dõi, đánh giá, so sánh các chỉ tiêu khảo nghiệm của các dòng vô tính so với giống đã có hoặc giống đang được gieo trồng phổ biến tại địa phương nhằm lựa chọn những dòng vô tính có tính ổn định, đáp ứng yêu cầu sản xuất và sử dụng. 22. <i>Tính khác biệt của giống cây trồng lâm nghiệp</i> là khả năng phân biệt một cách rõ ràng của giống đó với các giống cây trồng lâm nghiệp khác đã được biết đến rộng rãi. 23. <i>Tính đồng nhất của giống cây trồng lâm nghiệp</i> là sự biểu hiện giống nhau của giống cây trồng lâm nghiệp về các tính trạng liên quan, trừ những sai lệch	

TT	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO THÔNG TƯ QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP VÀ CÁC BIỆN PHÁP LÂM SINH	THUYẾT MINH
	phòng cháy và chữa cháy rừng, phát dọn dây leo, cây bụi để thúc đẩy thành rừng trong thời hạn xác định. 2. Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung là biện pháp lâm sinh phát huy tối đa khả năng tái sinh, diễn thế tự nhiên để phục hồi rừng bằng các biện pháp bảo vệ, chống chặt phá, phòng cháy và chữa cháy rừng và phát dọn dây leo cây bụi, kết hợp với trồng bổ sung một lượng cây nhất định ở nơi thiếu cây tái sinh mục đích để thúc đẩy thành rừng trong thời hạn xác định. 3. Nuôi dưỡng rừng là biện pháp lâm sinh điều chỉnh mật độ, tổ thành loài bằng các biện pháp loại bỏ những cây phi mục đích, phẩm chất xấu, cây dây leo cạnh tranh dinh dưỡng với cây mục đích; giữ lại cây mục đích có phẩm chất tốt nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị của rừng. 4. Làm giàu rừng là biện pháp lâm sinh kết hợp giữa nuôi dưỡng rừng với trồng bổ sung những cây mục đích với số lượng nhất định, đồng thời giữ lại cây mục đích sẵn có trong rừng. 5. Cải tạo rừng tự nhiên là biện pháp lâm sinh thay thế rừng tự nhiên nghèo kiệt có năng suất, chất lượng thấp bằng rừng trồng có năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế cao hơn. 6. Trồng mới rừng là biện pháp lâm sinh tạo rừng lần đầu trên diện tích đất chưa có rừng. 7. Trồng lại rừng là biện pháp lâm sinh tạo rừng trên diện tích đất rừng sau khai thác trắng, rừng bị mất do thiên tai hoặc do các nguyên nhân khác; trồng bổ sung đối với diện tích không đủ tiêu chí thành rừng. 8. Chăm sóc rừng trồng là biện pháp lâm sinh thúc đẩy cây rừng sinh trưởng và phát triển tốt hơn bằng các biện pháp phát cỏ, xới đất, bón phân và các hoạt động khác.	trong phạm vi cho phép đối với một số tính trạng cụ thể trong quá trình nhân giống. 24. <i>Tính ổn định của giống cây trồng lâm nghiệp</i> là sự biểu hiện ổn định của các tính trạng liên quan như mô tả ban đầu, không bị thay đổi sau mỗi chu kỳ nhân giống. 25. <i>Lưu giữ nguồn gen tại chỗ (in-situ)</i> là hình thức bảo tồn, duy trì và quản lý nguồn gen giống cây trồng lâm nghiệp ngay trong môi trường sống tự nhiên, tại khu vực phân bố tự nhiên của loài, nhằm duy trì tính đa dạng di truyền, khả năng sinh trưởng, khả năng tái sinh và quá trình tiến hóa tự nhiên. 26. <i>Lưu giữ nguồn gen chuyển chỗ (ex-situ)</i> là lưu giữ ngoài phạm vi phân bố tự nhiên, trong ngân hàng gen (kho lạnh, môi trường nitơ lạnh hoặc hình thức bảo quản phù hợp khác); lưu giữ trong ống nghiệm (in-vitro) hoặc trong vườn thực vật, vườn sưu tập thực vật, rừng giống, vườn giống. 27. <i>Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên</i> là biện pháp lâm sinh phát huy tối đa khả năng tái sinh, diễn thế tự nhiên để phục hồi rừng bằng các biện pháp bảo vệ, chống chặt phá, phòng cháy và chữa cháy rừng, phát dọn dây leo, cây bụi để thúc đẩy thành rừng trong thời hạn xác định. 28. <i>Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung</i> là biện pháp lâm sinh phát huy tối đa khả năng tái sinh, diễn thế tự nhiên để phục hồi rừng bằng các biện pháp bảo vệ, chống chặt phá, phòng cháy và chữa cháy rừng và phát dọn dây leo cây bụi, kết hợp với trồng bổ sung một lượng cây nhất định	

TT	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO THÔNG TƯ QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP VÀ CÁC BIỆN PHÁP LÂM SINH	THUYẾT MINH
	9. Rừng trồng gỗ lớn là rừng có tối thiểu 70% số cây đứng trên một đơn vị diện tích có đường kính tại vị trí 1,3 m từ 20 cm trở lên đối với cây sinh trưởng nhanh hoặc từ 30 cm trở lên đối với cây sinh trưởng chậm ở tuổi khai thác chính. 10. Rừng trồng gỗ nhỏ là rừng có dưới 70% số cây đứng có đường kính tại vị trí 1,3 m từ 20 cm trở lên đối với cây sinh trưởng nhanh hoặc từ 30 cm trở lên đối với cây sinh trưởng chậm ở tuổi khai thác chính. 11. Chuyển hóa rừng trồng gỗ nhỏ sang rừng trồng gỗ lớn là việc áp dụng các biện pháp kỹ thuật nuôi dưỡng rừng để thay đổi mục đích kinh doanh gỗ nhỏ sang kinh doanh gỗ lớn. 12. Cây phù trợ là cây trồng xen với cây mục đích trong một thời gian nhất định có tác dụng thúc đẩy cây mục đích sinh trưởng và phát triển tốt hơn. 13. Cây phi mục đích là cây không đáp ứng được mục đích sử dụng rừng. 14. Cây mục đích là cây đáp ứng được mục đích sử dụng rừng. 15. Loài cây sinh trưởng nhanh là loài cây thân gỗ có tăng trưởng đường kính bình quân đạt từ 02 cm/năm trở lên hoặc năng suất bình quân trong một chu kỳ kinh doanh đạt từ 15 m³/ha/năm trở lên, trong điều kiện lập địa phù hợp. 16. Loài cây sinh trưởng chậm là loài cây thân gỗ có tăng trưởng đường kính bình quân đạt dưới 02 cm/năm hoặc năng suất bình quân trong một chu kỳ kinh doanh đạt dưới 15 m³/ha/năm, trong điều kiện lập địa phù hợp. 17. Rừng phục hồi là rừng được hình thành bằng tái sinh tự nhiên trên đất đã mất rừng do nương rẫy, cháy rừng hoặc khai thác kiệt. 18. Đất chưa có rừng là đất trống hoặc đất có thực bì là cỏ tranh, lau lách, cây bụi, cây gỗ, tre nứa rải rác và cây tái sinh nhưng không đạt tiêu chí rừng.	ở nơi thiếu cây tái sinh mục đích để thúc đẩy thành rừng trong thời hạn xác định. 29. <i>Nuôi dưỡng rừng</i> là biện pháp lâm sinh điều chỉnh mật độ, tổ thành loài bằng các biện pháp loại bỏ những cây phi mục đích, phẩm chất xấu, cây dây leo cạnh tranh dinh dưỡng với cây mục đích; giữ lại cây mục đích có phẩm chất tốt nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị của rừng. 30. <i>Làm giàu rừng</i> là biện pháp lâm sinh kết hợp giữa nuôi dưỡng rừng với trồng bổ sung những cây mục đích với số lượng nhất định, đồng thời giữ lại cây mục đích sẵn có trong rừng. 31. <i>Cải tạo rừng tự nhiên</i> là biện pháp lâm sinh thay thế rừng tự nhiên nghèo kiệt có năng suất, chất lượng thấp bằng rừng trồng có năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế cao hơn. 32. <i>Trồng mới rừng</i> là biện pháp lâm sinh tạo rừng lần đầu trên diện tích đất chưa có rừng. 33. <i>Trồng lại rừng</i> là biện pháp lâm sinh tạo rừng trên diện tích đất rừng sau khai thác trắng, rừng bị mất do thiên tai hoặc do các nguyên nhân khác; trồng bổ sung đối với diện tích không đủ tiêu chí thành rừng. 34. <i>Chăm sóc rừng trồng</i> là biện pháp lâm sinh thúc đẩy cây rừng sinh trưởng và phát triển tốt hơn bằng các biện pháp phát cỏ, xới đất, bón phân và các hoạt động khác. 35. <i>Rừng trồng gỗ lớn</i> là rừng có tối thiểu 70% số cây đứng trên một đơn vị diện tích có đường kính tại vị trí 1,3 m từ 20 cm trở lên đối với cây sinh trưởng	

TT	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO THÔNG TƯ QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP VÀ CÁC BIỆN PHÁP LÂM SINH	THUYẾT MINH
	19. Cây tái sinh là cây con mọc tự nhiên từ hạt hoặc từ chồi gốc, rễ của cây. 20. Rừng trồng thành thực sinh học là rừng có tối thiểu 70% số cây rừng đạt tuổi thành thực tự nhiên, khi đó lượng tăng trưởng bình quân hàng năm về trữ lượng của cây rừng tiến dần đến không (nhỏ hơn một phần nghìn). 21. Cây trồng chính: Là loài cây thân gỗ được trồng phù hợp với mục đích sử dụng rừng. TT 15 1. <i>Nghiệm thu hoạt động đầu tư công trình lâm sinh</i> là việc đánh giá kết quả thực hiện công trình về tiến độ, khối lượng, chất lượng so với thiết kế, dự toán được phê duyệt và hợp đồng đã ký kết, gồm: nghiệm thu hạng mục; nghiệm thu năm; nghiệm thu kết thúc đầu tư công trình lâm sinh. 2. <i>Nghiệm thu bảo vệ rừng</i> là việc đánh giá kết quả thực hiện về khối lượng, chất lượng theo hồ sơ bảo vệ rừng, gồm: khoán bảo vệ rừng và hỗ trợ bảo vệ rừng. 3. <i>Nghiệm thu trồng cây phân tán</i> là việc đánh giá kết quả thực hiện trồng cây phân tán về địa điểm trồng, số lượng cây trồng, chăm sóc bảo vệ, tỷ lệ cây sống.	nhanh hoặc từ 30 cm trở lên đối với cây sinh trưởng chậm ở tuổi khai thác chính. 36. <i>Rừng trồng gỗ nhỏ</i> là rừng có dưới 70% số cây đứng có đường kính tại vị trí 1,3 m từ 20 cm trở lên đối với cây sinh trưởng nhanh hoặc từ 30 cm trở lên đối với cây sinh trưởng chậm ở tuổi khai thác chính. 37. <i>Chuyển hóa rừng trồng gỗ nhỏ sang rừng trồng gỗ lớn</i> là việc áp dụng các biện pháp kỹ thuật nuôi dưỡng rừng để thay đổi mục đích kinh doanh từ gỗ nhỏ sang kinh doanh gỗ lớn. 38. <i>Cây trồng chính và cây phụ trợ</i>: Cây trồng chính là loài cây thân gỗ được trồng phù hợp với mục đích sử dụng rừng. Cây phụ trợ là cây trồng xen với cây mục đích trong một thời gian nhất định có tác dụng thúc đẩy cây mục đích sinh trưởng và phát triển tốt hơn. 39. <i>Cây phi mục đích</i> là cây không đáp ứng được mục đích sử dụng rừng hoặc cản trở sinh trưởng, phát triển của cây mục đích. 40. <i>Cây mục đích</i> là cây đáp ứng được mục đích sử dụng rừng và được lựa chọn để bảo vệ, nuôi dưỡng hoặc trồng bổ sung. 41. Rừng phục hồi là rừng được hình thành chủ yếu bằng tái sinh tự nhiên trên đất đã mất rừng do nương rẫy, cháy rừng, khai thác kiệt hoặc nguyên nhân khác. 42. Đất chưa có rừng là đất trống hoặc đất có thực bì là cỏ tranh, lau lách, cây bụi, cây gỗ, tre nứa rải rác và cây tái sinh nhưng không đạt tiêu chí rừng. 43. Cây tái sinh là cây con mọc tự nhiên từ hạt hoặc từ chồi gốc, chồi rễ của cây.	

TT	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO THÔNG TƯ QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP VÀ CÁC BIỆN PHÁP LÂM SINH	THUYẾT MINH
		44. Rừng trồng thành thực sinh học là rừng có tối thiểu 70% số cây rừng đạt tuổi thành thực tự nhiên, khi đó lượng tăng trưởng bình quân hàng năm về trữ lượng của cây rừng tiên dân đến không (nhỏ hơn một phần nghìn). 45. Nghiệm thu hoạt động đầu tư công trình lâm sinh là việc đánh giá kết quả thực hiện công trình về tiến độ, khối lượng, chất lượng so với thiết kế, dự toán được phê duyệt và hợp đồng đã ký kết, gồm: nghiệm thu hạng mục; nghiệm thu năm; nghiệm thu kết thúc đầu tư công trình lâm sinh. 46. Nghiệm thu bảo vệ rừng là việc đánh giá kết quả thực hiện về khối lượng, chất lượng theo hồ sơ bảo vệ rừng, gồm: khoán bảo vệ rừng và hỗ trợ bảo vệ rừng. 47. Nghiệm thu trồng cây phân tán là việc đánh giá kết quả thực hiện trồng cây phân tán về địa điểm trồng, số lượng cây trồng, chăm sóc bảo vệ, tỷ lệ cây sống.	
III	Các nội dung chi tiết của các Thông tư		
1	TT 84 Chương II QUẢN LÝ GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP; TRỒNG RỪNG THAY THẾ; CẤP VÀ QUẢN LÝ MÃ SỐ RỪNG SẢN XUẤT LÀ RỪNG TRỒNG Mục 1 QUẢN LÝ GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP	Chương II QUẢN LÝ GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP	Tách riêng Chương II về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp, kế thừa Mục 1 Chương II Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT. Các nội dung về trồng rừng thay thế và mã số rừng sản xuất là rừng trồng không thuộc phạm vi dự thảo nên không đưa vào Thông tư này.

TT	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO THÔNG TƯ QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP VÀ CÁC BIỆN PHÁP LÂM SINH	THUYẾT MINH
	Điều 4. Nguyên tắc quản lý giống cây trồng lâm nghiệp	Điều 4. Nguyên tắc quản lý giống cây trồng lâm nghiệp	Giữ nguyên nội dung về nguyên tắc quản lý giống cây trồng lâm nghiệp vì còn phù hợp với Luật Lâm nghiệp, bảo đảm quản lý theo chuỗi, truy xuất nguồn gốc và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân.
	Điều 5. Bảo tồn nguồn gen; lưu giữ, sản xuất, cung ứng và phục tráng giống gốc giống cây trồng lâm nghiệp	Điều 5. Bảo tồn nguồn gen; lưu giữ, sản xuất, cung ứng và phục tráng giống gốc giống cây trồng lâm nghiệp	Giữ nguyên
	Điều 6. Nghiên cứu, chọn tạo, khảo nghiệm, trồng thử nghiệm, công nhận giống, nguồn giống cây trồng lâm nghiệp - Tại phần 2 Điểm a Khoản 3. Khảo nghiệm giống cây trồng lâm nghiệp: Phương pháp khảo nghiệm phải tuân thủ tiêu chuẩn quốc gia; trong đó, phương pháp giải trình tự gen được sử dụng để thay thế phương pháp khảo nghiệm tính khác biệt nhằm kiểm tra tính đúng của giống. Trước khi tiến hành khảo nghiệm giống cây trồng lâm nghiệp biến đổi gen, phải thực hiện đánh giá rủi ro theo quy định của pháp luật về đa dạng sinh học; - Tại Điểm c Khoản 3. Khảo nghiệm giống cây trồng lâm nghiệp: c) Đối tượng, phương pháp và nội dung khảo nghiệm giống cây trồng lâm nghiệp bao gồm: đối tượng khảo nghiệm là các giống được chọn tạo trong nước và các giống nhập khẩu lần đầu, chưa được công nhận, không thuộc danh mục loài ngoại lai xâm hại hoặc có nguy cơ xâm hại; phương pháp khảo nghiệm được thực hiện theo tiêu chuẩn quốc gia, bao gồm khảo nghiệm xuất xứ, khảo nghiệm hậu thế và khảo nghiệm	Điều 6. Nghiên cứu, chọn tạo, khảo nghiệm, trồng thử nghiệm, công nhận giống, nguồn giống cây trồng lâm nghiệp - Tại mục 2 điểm a Khoản 3. Khảo nghiệm giống cây trồng lâm nghiệp: Phương pháp khảo nghiệm phải tuân thủ tiêu chuẩn quốc gia; trong đó, <i>phương pháp phân tích chỉ thị phân tử hoặc sinh học phân tử</i> được sử dụng để thay thế phương pháp khảo nghiệm tính khác biệt nhằm kiểm tra tính đúng của giống. Trước khi tiến hành khảo nghiệm giống cây trồng lâm nghiệp biến đổi gen, phải thực hiện đánh giá rủi ro theo quy định của pháp luật về đa dạng sinh học; - Tại Điểm c Khoản 3. Khảo nghiệm giống cây trồng lâm nghiệp: c) Đối tượng, phương pháp và nội dung khảo nghiệm giống cây trồng lâm nghiệp bao gồm: đối tượng khảo nghiệm là các giống được chọn tạo trong nước và các giống nhập khẩu lần đầu, chưa	Cơ bản kế thừa trình tự nghiên cứu, khảo nghiệm, trồng thử nghiệm và công nhận giống, nguồn giống. Sửa thuật ngữ “giải trình tự gen” thành “phân tích chỉ thị phân tử hoặc phương pháp sinh học phân tử” để phản ánh đúng phạm vi kỹ thuật và tạo cơ sở áp dụng phương pháp phù hợp theo tiêu chuẩn. Bổ sung giống phục tráng, giống mới được phát hiện, tuyển chọn và giống đã được công nhận đề nghị mở rộng vùng áp dụng vào đối tượng khảo nghiệm nhằm bao quát các trường hợp thực tế. Bổ sung quy định quản lý, chăm sóc và thu hái

TT	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO THÔNG TƯ QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP VÀ CÁC BIỆN PHÁP LÂM SINH	THUYẾT MINH
	dòng vô tính; nội dung khảo nghiệm tập trung đánh giá tính khác biệt, tính đồng nhất, tính ổn định và đánh giá giá trị canh tác, giá trị sử dụng theo tiêu chuẩn quốc gia;	được công nhận, <i>giống phục tráng, giống mới được phát hiện, tuyển chọn; giống đã công nhận nhưng đề nghị mở rộng vùng áp dụng</i> không thuộc danh mục loài ngoại lai xâm hại hoặc có nguy cơ xâm hại; phương pháp khảo nghiệm được thực hiện theo tiêu chuẩn quốc gia, bao gồm khảo nghiệm xuất xứ, khảo nghiệm hậu thế và khảo nghiệm dòng vô tính; nội dung khảo nghiệm tập trung đánh giá tính khác biệt, tính đồng nhất, tính ổn định và đánh giá giá trị canh tác, giá trị sử dụng theo tiêu chuẩn quốc gia; - Bổ sung Điểm e vào khoản 7. Công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp: e) Việc quản lý, chăm sóc, thu hái vật liệu giống các nguồn giống được công nhận thuộc rừng tự nhiên phải phù hợp phương án quản lý rừng, quy chế quản lý rừng và quy định về khai thác lâm sản; không chặt hạ cây, không làm ảnh hưởng khả năng sinh trưởng, ra hoa, kết quả, tái sinh và chức năng của rừng.	vật liệu giống từ nguồn giống thuộc rừng tự nhiên để bảo đảm việc khai thác vật liệu không ảnh hưởng sinh trưởng, tái sinh, chức năng rừng và tuân thủ phương án quản lý rừng, quy chế quản lý rừng, pháp luật về khai thác lâm sản.
	Điều 7. Quản lý chất lượng, sản xuất và kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp	Điều 7. Quản lý chất lượng, sản xuất và kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp - Bổ sung Khoản 3. Thời hạn sử dụng vật liệu giống thực hiện theo tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn cơ sở hoặc kết quả kiểm tra chất lượng lô vật liệu giống. Tổ chức, cá nhân cung ứng vật liệu giống phải ghi ngày thu hái hoặc ngày sản xuất, điều kiện bảo quản, thời hạn sử dụng hoặc thời điểm kiểm tra lại chất lượng trên hồ sơ, nhãn hoặc bảng kê của lô giống.	Cơ bản kế thừa quy định về quản lý chất lượng, sản xuất và kinh doanh giống; bổ sung 03 nội dung phát sinh từ thực tiễn. Thứ nhất, quy định nguyên tắc xác định thời hạn sử dụng vật liệu giống và trách nhiệm ghi ngày thu hái hoặc sản xuất, điều kiện bảo quản, thời hạn sử dụng hoặc thời điểm kiểm tra lại chất lượng, nhằm có

TT	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO THÔNG TƯ QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP VÀ CÁC BIỆN PHÁP LÂM SINH	THUYẾT MINH
		- Bổ sung vào khoản 5. Hồ sơ giống cây trồng lâm nghiệp Đối với giống, vật liệu giống của loài cây trồng lâm nghiệp không thuộc Danh mục loài cây trồng lâm nghiệp chính thì không bắt buộc phải có quyết định công nhận giống, nguồn giống nhưng phải bảo đảm các yêu cầu và thành phần hồ sơ theo quy định tại khoản này. <i>Đối với giao dịch mua bán không thuộc diện phải lập hóa đơn theo quy định của pháp luật về thuế thì hồ sơ nguồn gốc được lập bằng các hồ sơ, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật.</i> - Bổ sung Khoản 9. Hộ gia đình, cá nhân tự thu hái hạt giống, tự sản xuất cây giống để trồng trên diện tích rừng thuộc quyền sử dụng hợp pháp của mình, không nhằm mục đích kinh doanh, không cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác và không sử dụng cho chương trình, dự án có vốn hoặc hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thì không phải thực hiện quy định tại Điều này.	cơ sở kiểm soát chất lượng lô giống. Thứ hai, làm rõ hồ sơ nguồn gốc đối với giao dịch không thuộc diện phải lập hóa đơn, cho phép sử dụng tài liệu, chứng từ hợp pháp khác theo pháp luật, bảo đảm thống nhất với pháp luật về thuế, hóa đơn, chứng từ. Thứ ba, miễn thực hiện hồ sơ tại Điều này đối với hộ gia đình, cá nhân tự thu hái hạt, tự sản xuất cây giống để trồng trên diện tích hợp pháp của mình, không nhằm mục đích kinh doanh, không cung cấp cho chủ thể khác và không sử dụng cho chương trình, dự án có vốn hoặc hỗ trợ ngân sách; qua đó giảm yêu cầu không cần thiết nhưng vẫn kiểm soát giống đưa ra lưu thông.
	Điều 8. Danh mục loài và giống cây trồng lâm nghiệp chính	Điều 8. Danh mục loài và giống cây trồng lâm nghiệp chính	Giữ nguyên tên và nội dung cơ bản của Điều 8. Danh mục loài cây trồng lâm nghiệp chính tiếp tục được quy định tại Phụ lục để thuận lợi cho tra cứu và quản lý; danh mục được rà soát về tên

TT	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO THÔNG TƯ QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP VÀ CÁC BIỆN PHÁP LÂM SINH	THUYẾT MINH
			loài, danh pháp khoa học và mức độ cần thiết quản lý.
	Điều 9. Xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp	Điều 9. Xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp - Sửa khoản 4. Thẩm quyền quyết định cấp giấy phép: Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp tại khoản 3 Điều này đối với các tổ chức, cá nhân <i>trừ các tổ chức thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý</i> . - Bổ sung khoản 9. Trường hợp các tổ chức thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý có nhu cầu xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm chấp thuận bằng văn bản. Hồ sơ theo quy định tại khoản 5 Điều này.	Cơ bản kế thừa quy định về xuất khẩu, nhập khẩu giống. Sửa thẩm quyền theo hướng Sở Nông nghiệp và Môi trường giải quyết đối với tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi địa phương; đối với đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm thực hiện việc chấp thuận bằng văn bản theo quy trình nội bộ. Việc phân định này phù hợp tính chất quan hệ quản lý, giảm thủ tục hành chính đối ngoại tại cấp Bộ và vẫn bảo đảm yêu cầu kiểm soát hồ sơ, nguồn gốc, mục đích xuất khẩu, nhập khẩu.
2	TT 29 Quy định về các biện pháp lâm sinh Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ Mục 1 KHOANH NUÔI XÚC TIẾN TÁI SINH TỰ NHIÊN; KHOANH NUÔI XÚC TIẾN TÁI SINH TỰ NHIÊN CÓ TRỒNG BỔ SUNG	Chương III CÁC BIỆN PHÁP LÂM SINH, NGHIỆM THU CÔNG TRÌNH LÂM SINH, BẢO VỆ RỪNG VÀ TRỒNG CÂY PHÂN TÁN Mục 1 KHOANH NUÔI XÚC TIẾN TÁI SINH TỰ NHIÊN VÀ KHOANH NUÔI XÚC TIẾN TÁI SINH TỰ NHIÊN CÓ TRỒNG BỔ SUNG	Chuyển các quy định về biện pháp lâm sinh và nghiệm thu sang Chương III để hình thành một nhóm quy định chuyên môn thống nhất. Thêm từ “và” trong tên Mục 1 nhằm thể hiện hai biện pháp khoanh nuôi có quan hệ gần gũi nhưng là hai hình thức độc lập.

TT	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO THÔNG TƯ QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP VÀ CÁC BIỆN PHÁP LÂM SINH	THUYẾT MINH
	Điều 4. Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên 1. Đối tượng: a) Diện tích chưa đạt tiêu chí thành rừng: rừng do khai thác kiệt; nương rẫy bỏ hoang, sau cháy rừng hoặc phá rừng, đất có trảng cỏ, cây bụi xen cây gỗ và bãi bồi cửa sông, vùng ven biển có mật độ cây tái sinh mục đích đạt chiều cao trên 0,5 m lớn hơn 500 cây/ha; đất ngập phèn có cây tái sinh mục đích lớn hơn 1000 cây/ha. Mật độ cây tái sinh mục đích phân bố tương đối đều trên toàn diện tích hoặc có các khoảng trống dưới 1000 m². b) Diện tích tre, luồng, nứa, vầu, lồ ô....(sau đây viết chung là tre nứa) sau khai thác, sau nương rẫy, sau cháy rừng hoặc phá rừng có tỷ lệ che phủ từ 20% đến dưới 60% và có khả năng tự tái sinh phục hồi thành rừng;	Điều 10. Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên 1. Đối tượng: a) Diện tích chưa đạt tiêu chí thành rừng: rừng do khai thác kiệt; nương rẫy bỏ hoang, sau cháy rừng hoặc phá rừng, đất có trảng cỏ, cây bụi xen cây gỗ và bãi bồi cửa sông, vùng ven biển có mật độ cây tái sinh mục đích đạt chiều cao trên 0,5 m lớn hơn <i>từ 500 cây/ha trở lên</i>; đất ngập phèn có cây tái sinh mục đích lớn hơn 1.000 cây/ha. Mật độ cây tái sinh mục đích phân bố tương đối đều trên toàn diện tích hoặc có các khoảng trống dưới 1.000 m². b) Diện tích tre, luồng, nứa, vầu, lồ ô <i>và các loài tre khác</i> (sau đây viết chung là tre nứa) sau khai thác, sau nương rẫy, sau cháy rừng hoặc phá rừng có tỷ lệ che phủ từ 20% đến dưới 60% và có khả năng tự tái sinh phục hồi thành rừng;	Đổi số điều do thay đổi kết cấu chung. Sửa ngưỡng mật độ theo cách diễn đạt “từ 500 cây/ha trở lên” để không bỏ sót trường hợp đúng bằng 500 cây/ha; chuẩn hóa đơn vị diện tích và thay dấu ba chấm bằng cụm “và các loài tre khác”. Các nội dung còn lại được kế thừa để bảo đảm tính ổn định của quy định về đối tượng và biện pháp khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên.
	Điều 5. Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung 1. Đối tượng: a) Diện tích chưa đạt tiêu chí thành rừng: Rừng do khai thác kiệt; nương rẫy bỏ hoang, đất có trảng cỏ, cây bụi xen cây gỗ và bãi bồi cửa sông, vùng ven biển có mật độ cây tái sinh mục đích đạt chiều cao trên 0,5 m từ 300 cây/ha đến dưới 500 cây/ha đối với rừng phòng hộ, rừng sản xuất hoặc từ 100 cây/ha đến dưới 500 cây/ha đối với rừng đặc dụng (trừ phân khu bảo vệ nghiêm ngặt); đất ngập phèn có cây tái sinh mục đích dưới 1000 cây/ha. Mật độ cây tái sinh mục đích phân bố không đều hoặc có các khoảng trống từ 1000 m² đến dưới 3000 m².	Điều 11. Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung 1. Đối tượng: a) Diện tích chưa đạt tiêu chí thành rừng: rừng do khai thác kiệt; nương rẫy bỏ hoang, đất có trảng cỏ, cây bụi xen cây gỗ và bãi bồi cửa sông, vùng ven biển có mật độ cây tái sinh mục đích đạt chiều cao trên 0,5 m từ 300 cây/ha đến dưới 500 cây/ha đối với rừng phòng hộ, rừng sản xuất hoặc từ 100 cây/ha đến dưới 500 cây/ha đối với rừng đặc dụng (trừ phân khu bảo vệ nghiêm ngặt); đất ngập phèn có cây tái sinh mục đích dưới 1.000 cây/ha. Mật độ cây tái sinh mục đích phân bố không đều hoặc có các khoảng trống từ 1.000 m² đến dưới 3.000 m².	Đổi số điều và chuẩn hóa cách ghi số, đơn vị đo. Việc điều chỉnh từ ngữ nhằm xác định rõ các khoảng mật độ, diện tích khoảng trống, tránh chồng lấn hoặc bỏ trống đối tượng giữa khoanh nuôi không trồng bổ sung và khoanh nuôi có trồng bổ sung. Nội dung kỹ thuật chủ yếu được giữ nguyên.

TT	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO THÔNG TƯ QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP VÀ CÁC BIỆN PHÁP LÂM SINH	THUYẾT MINH
	Mục 2 NUÔI DƯỠNG RỪNG, LÀM GIÀU RỪNG VÀ CẢI TẠO RỪNG TỰ NHIÊN Mục 3 TRỒNG MỚI RỪNG, TRỒNG LẠI RỪNG, CHĂM SÓC VÀ NUÔI DƯỠNG RỪNG TRỒNG	Mục 2 NUÔI DƯỠNG, LÀM GIÀU RỪNG, CẢI TẠO RỪNG TỰ NHIÊN, TRỒNG MỚI RỪNG, TRỒNG LẠI RỪNG, CHĂM SÓC, NUÔI DƯỠNG VÀ NGHIỆM THU CÔNG TRÌNH LÂM SINH, BẢO VỆ RỪNG VÀ TRỒNG CÂY PHÂN TÁN	Gộp các Mục 2 và 3 của Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT vào một mục để sắp xếp liên tục các biện pháp tác động vào rừng tự nhiên, trồng mới, trồng lại, chăm sóc và nuôi dưỡng rừng trồng; đồng thời bố trí quy định nghiệm thu liền với các biện pháp kỹ thuật. Việc gộp nhằm giảm chia cắt nội dung và thuận lợi khi áp dụng, nhưng cần bảo đảm các nhóm điều vẫn được sắp xếp theo trình tự logic.
	Điều 6. Nuôi dưỡng rừng tự nhiên	Điều 12. Nuôi dưỡng rừng tự nhiên	Giữ nguyên nội dung cơ bản về nuôi dưỡng rừng tự nhiên, chỉ đổi số điều theo kết cấu mới. Các tiêu chí, đối tượng và biện pháp kỹ thuật tiếp tục được áp dụng vì còn phù hợp thực tiễn.
	Điều 7. Làm giàu rừng tự nhiên	Điều 13. Làm giàu rừng tự nhiên	Giữ nguyên nội dung cơ bản về làm giàu rừng tự nhiên, chỉ đổi số điều theo kết cấu mới. Các dẫn chiếu được cập nhật tương ứng với số điều mới và phụ lục nghiệm thu.
	Điều 8. Cải tạo rừng tự nhiên	Điều 14. Cải tạo rừng tự nhiên	Giữ nguyên nội dung cơ bản về cải tạo rừng tự nhiên, chỉ đổi số điều theo kết cấu mới.

TT	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO THÔNG TƯ QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP VÀ CÁC BIỆN PHÁP LÂM SINH	THUYẾT MINH
			Nội dung cần được áp dụng trong phạm vi rừng sản xuất và theo phương án, thiết kế được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm không làm suy giảm chức năng rừng.
	Điều 9. Trồng mới rừng đặc dụng	Điều 15. Trồng mới rừng đặc dụng 2. Nội dung biện pháp: - Sửa đổi Điểm b) Xử lý thực bì: <i>tùy vào điều kiện thực tế có thể lựa chọn</i> phát dọn thực bì toàn diện, theo băng hoặc theo đám, thực bì được gom lại từng dải dọc theo đường đồng mức và không được đốt. Khi xử lý thực bì phải chừa lại cây gỗ có sẵn và cây tái sinh mục đích; - Bổ sung “cây ghép” vào mục 3 Điểm d) Tiêu chuẩn cây giống: Đối với loài cây trồng rừng bằng hạt, hom gốc, hom thân, <i>cây ghép</i>: áp dụng theo hướng dẫn kỹ thuật quy định tại khoản 1 Điều 21 Thông tư này. - Bổ sung Điểm e) Các biện pháp kỹ thuật cụ thể khác thực hiện theo hướng dẫn kỹ thuật của từng loài cây hoặc theo thiết kế kỹ thuật phù hợp với điều kiện lập địa đặc thù nơi trồng rừng được cấp có thẩm quyền phê duyệt; đồng thời phải bảo đảm mục tiêu đầu tư, chức năng của loại rừng và tiêu chí thành rừng theo quy định của pháp luật. - Bổ sung mục 4. Chăm sóc rừng trồng a) Đối tượng: cây sinh trưởng nhanh thời gian chăm sóc tối đa 03 năm tuổi (36 tháng); cây sinh trưởng chậm và rừng trồng ven biển: thời gian chăm sóc tối đa 05 năm tuổi (60 tháng); <i>đối với</i>	Đổi số điều. Sửa điểm b khoản 2 để bổ sung hình thức xử lý thực bì toàn diện trong trường hợp điều kiện thực bì và lập địa thực tế cần thiết, đồng thời yêu cầu chừa cây gỗ có sẵn, cây tái sinh mục đích, gom thực bì theo đường đồng mức và không đốt nhằm hạn chế xói mòn, bảo vệ đa dạng sinh học. Bổ sung cây ghép vào tiêu chuẩn cây giống để bao quát các loài trồng bằng phương pháp ghép. Bổ sung quy định cho phép áp dụng biện pháp kỹ thuật theo hướng dẫn từng loài hoặc thiết kế được phê duyệt phù hợp lập địa đặc thù, nhưng phải bảo đảm mục tiêu đầu tư, chức năng loại rừng và tiêu chí thành rừng. Tích hợp quy định chăm sóc vào điều trồng mới rừng đặc dụng,

TT	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO THÔNG TƯ QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP VÀ CÁC BIỆN PHÁP LÂM SINH	THUYẾT MINH
		<i>rừng giống, vườn giống và các khu rừng thí nghiệm thời gian chăm sóc thực hiện theo thiết kế, kỹ thuật được phê duyệt.</i> b) Nội dung biện pháp - Phát cây bụi, dây leo, cỏ dại xâm lấn; xới đất và vun gốc cho cây; bảo vệ cây tái sinh mục đích; - Số lần chăm sóc: tùy thuộc vào mức độ xâm lấn của thực bì ảnh hưởng đến sinh trưởng của cây trồng để thực hiện số lần chăm sóc phù hợp; trung bình mỗi năm chăm sóc 02 lần; - Bón thúc: tùy theo đặc điểm sinh trưởng phát triển của rừng để quyết định thời điểm, số lần bón thúc, loại phân bón và khối lượng phân bón; bón thúc được tiến hành cùng với xới đất vun gốc cây; - Trồng dặm: tiến hành trồng dặm trong năm đầu sau khi trồng đối với loài cây sinh trưởng nhanh nếu tỷ lệ cây sống dưới 85% so với mật độ trồng ban đầu; <i>trường hợp cây chết do thiên tai, điều kiện khí hậu khắc nghiệt hoặc lập địa đặc biệt thì được tiếp tục thực hiện trong năm thứ hai, năm thứ ba theo thiết kế hoặc điều chỉnh thiết kế được phê duyệt.</i> Đối với loài cây sinh trưởng chậm và rừng ven biển: Trong 3 năm đầu sau khi trồng, nếu tỷ lệ cây sống dưới quy định nghiêm thu hoặc mật độ thành rừng theo tiêu chuẩn Việt Nam thì phải trồng dặm. Số lượng cây trồng dặm tùy theo mật độ hiện có để trồng bổ sung đảm bảo tiêu chí thành rừng theo quy định. <i>Cây trồng dặm phải có nguồn gốc rõ ràng, đạt tiêu chuẩn công bố áp dụng và có kích thước, tuổi hoặc chất lượng phù hợp với tuổi rừng. Không trồng</i>	đồng thời cho phép tiếp tục chăm sóc, trồng dặm trong năm thứ hai, thứ ba khi cây chết do thiên tai, khí hậu khắc nghiệt hoặc lập địa đặc biệt theo thiết kế hoặc điều chỉnh thiết kế được phê duyệt.

TT	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO THÔNG TƯ QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP VÀ CÁC BIỆN PHÁP LÂM SINH	THUYẾT MINH
		<i>dặm khi mật độ cây còn lại đã đạt yêu cầu, tán rừng đã khép hoặc việc trồng dặm có nguy cơ làm tổn hại cây hiện có.</i> <i>c) Các biện pháp kỹ thuật cụ thể khác thực hiện theo hướng dẫn kỹ thuật trồng rừng của từng loài cây hoặc theo thiết kế kỹ thuật phù hợp với điều kiện lập địa đặc thù nơi trồng rừng được cấp có thẩm quyền phê duyệt; đồng thời phải bảo đảm mục tiêu đầu tư, chức năng của loại rừng và tiêu chí thành rừng theo quy định của pháp luật.</i>	
	Điều 10. Trồng mới rừng phòng hộ	Điều 16. Trồng mới rừng phòng hộ 2. Nội dung biện pháp: đ) Mật độ và cơ cấu loài cây được xác định theo loại rừng phòng hộ, điều kiện lập địa, mục tiêu phòng hộ và thiết kế được phê duyệt; mật độ cây trồng chính không thấp hơn 500 cây/ha, ưu tiên cây thân gỗ bản địa lâu năm. Cây phù trợ, cây đa mục đích hoặc cây lâm sản ngoài gỗ được bố trí phù hợp nhưng không được làm suy giảm chức năng phòng hộ và không được tính thay thế toàn bộ mật độ cây trồng chính; g) Các biện pháp kỹ thuật cụ thể khác thực hiện theo hướng dẫn kỹ thuật trồng rừng của từng loài <i>cây hoặc theo thiết kế kỹ thuật phù hợp với điều kiện lập địa đặc thù nơi trồng rừng được cấp có thẩm quyền phê duyệt; đồng thời phải bảo đảm mục tiêu đầu tư, chức năng của loại rừng và tiêu chí thành rừng theo quy định của pháp luật.</i> 3. Chăm sóc rừng trồng thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 15 Thông tư này.	Đổi số điều. Sửa mật độ và cơ cấu loài theo hướng mật độ cây trồng chính không thấp hơn 500 cây/ha, phù hợp quy định kỹ thuật trồng rừng phòng hộ và tiêu chí nghiệm thu; ưu tiên cây bản địa, cây gỗ lớn, đồng thời cho phép bố trí cây phù trợ, cây đa mục đích theo mục tiêu phòng hộ và điều kiện lập địa. Sửa quy định kỹ thuật khác theo hướng linh hoạt áp dụng hướng dẫn từng loài hoặc thiết kế được phê duyệt. Bổ sung trường hợp thực hiện theo nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đề án hoặc thiết kế được cấp có thẩm quyền phê duyệt để tạo cơ sở thử nghiệm giải pháp

TT	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO THÔNG TƯ QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP VÀ CÁC BIỆN PHÁP LÂM SINH	THUYẾT MINH
			kỹ thuật mới nhưng không làm giảm mục tiêu, chức năng phòng hộ.
	Điều 11. Trồng mới rừng sản xuất	Điều 17. Trồng mới rừng sản xuất 2. Nội dung biện pháp: h) Các biện pháp kỹ thuật cụ thể khác thực hiện theo hướng dẫn kỹ thuật trồng rừng đối với từng loài hoặc theo thiết kế kỹ thuật phù hợp với điều kiện lập địa đặc thù nơi trồng rừng được cấp có thẩm quyền phê duyệt; đồng thời phải bảo đảm mục tiêu đầu tư, chức năng của loại rừng và tiêu chí thành rừng theo quy định của pháp luật. 3. Chăm sóc rừng trồng thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 15 Thông tư này.	Đối số điều. Sửa điểm h khoản 2 theo hướng cho phép áp dụng hướng dẫn kỹ thuật theo từng loài hoặc thiết kế kỹ thuật phù hợp lập địa đặc thù được phê duyệt, đồng thời phải bảo đảm mục tiêu sản xuất, tiêu chí thành rừng và yêu cầu bảo vệ môi trường. Bổ sung trường hợp thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đề án hoặc thiết kế được phê duyệt để tạo không gian áp dụng tiến bộ kỹ thuật trong trồng rừng sản xuất.
	Điều 12. Trồng lại rừng	Điều 18. Trồng lại rừng 1. Đối tượng: d) Diện tích rừng trồng phòng hộ chắn gió, chắn cát bay; rừng phòng hộ chắn sóng, lấn biển chưa đủ tiêu chí thành rừng; rừng trồng sản xuất chuyển sang rừng phòng hộ, đặc dụng; rừng trồng đến tuổi thành thực sinh học (già cỗi) không đủ mật độ cây trồng chính 500 cây/ha đối với rừng phòng hộ. Độ tàn che dưới 0,3. 3. Chăm sóc rừng trồng thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 15 Thông tư này.	Đối số điều. Sửa điểm d khoản 1 để đồng bộ đối tượng trồng lại rừng với tiêu chí thành rừng, trường hợp chuyển mục đích sử dụng theo loại rừng và thực trạng rừng trồng già cỗi, suy giảm chất lượng. Điều chỉnh mật độ cây trồng chính của rừng phòng hộ từ trên 600 cây/ha về mức từ 500 cây/ha trở lên để thống nhất với quy định

TT	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO THÔNG TƯ QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP VÀ CÁC BIỆN PHÁP LÂM SINH	THUYẾT MINH
			kỹ thuật trồng mới và tiêu chí nghiệm thu. Bổ sung quy định áp dụng thiết kế, biện pháp kỹ thuật phù hợp đối với từng trường hợp trồng lại.
	Điều 13. Chăm sóc rừng trồng		Không quy định thành điều riêng về chăm sóc rừng trồng. Nội dung được tích hợp vào khoản 3 hoặc 4 của các điều về trồng mới rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất để thể hiện đầy đủ chu trình trồng, chăm sóc, trồng dặm đối với từng loại rừng, giám trùng lặp và hạn chế dẫn chiếu.
	Điều 14. Nuôi dưỡng rừng trồng	Điều 19. Nuôi dưỡng rừng trồng	Giữ nguyên nội dung cơ bản về nuôi dưỡng rừng trồng, chỉ đổi số điều theo kết cấu mới. Các dẫn chiếu và tiêu chí nghiệm thu được cập nhật để thống nhất với phụ lục.
3	TT 15 Chương III QUY ĐỊNH VỀ NGHIỆM THU	Điều 20. Nghiệm thu công trình lâm sinh, bảo vệ rừng và trồng cây phân tán 1. Các hoạt động nghiệm thu gồm: a) Nghiệm thu kết quả hoạt động đầu tư công trình lâm sinh; b) Nghiệm thu kết quả hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất và phát triển lâm sản ngoài gỗ;	Kế thừa các quy định còn phù hợp của Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT và các văn bản sửa đổi; quy định khái quát các nhóm hoạt động nghiệm thu tại Điều 20, còn trình tự, hồ sơ,

TT	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO THÔNG TƯ QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP VÀ CÁC BIỆN PHÁP LÂM SINH	THUYẾT MINH
		c) Nghiệm thu kết quả bảo vệ rừng; d) Nghiệm thu kết quả trồng cây phân tán. 2. Thời điểm, hồ sơ, thành phần, các chỉ tiêu nghiệm thu; phương pháp nghiệm thu, kết quả nghiệm thu đối với từng hoạt động nghiệm thu tại khoản 1 Điều này thực hiện theo Phụ lục IV, ban hành kèm theo Thông tư này.	phương pháp, biểu mẫu và tiêu chí kỹ thuật được chuyển sang các phụ lục. Cách thiết kế này làm gọn phần quy phạm, đồng thời tạo liên kết trực tiếp giữa biện pháp kỹ thuật và tiêu chí nghiệm thu. Việc bãi bỏ Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT khắc phục tình trạng văn bản đã bị sửa đổi, thay thế phần lớn nhưng vẫn phải tra cứu song song.
	Điều 10. Quy định chung Điểm C khoản 2 Điều 10 c) Hồ sơ nghiệm thu Thuyết minh Dự án hỗ trợ đầu tư hoặc dự án hỗ trợ sau đầu tư trồng rừng sản xuất và phát triển lâm sản ngoài gỗ được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP, không bao gồm hỗ trợ trồng rừng sản xuất và phát triển lâm sản ngoài gỗ từ nguồn trồng rừng thay thế.	Phụ lục IV. A. QUY ĐỊNH VỀ VIỆC NGHIỆM THU Sửa đổi tại Khoản 1.2: c) Hồ sơ nghiệm thu Thuyết minh Dự án hỗ trợ đầu tư hoặc dự án hỗ trợ sau đầu tư trồng rừng sản xuất và phát triển lâm sản ngoài gỗ được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ, không bao gồm hỗ trợ trồng rừng sản xuất và phát triển lâm sản ngoài gỗ từ nguồn trồng rừng thay thế.	Cập nhật căn cứ pháp lý về dự án hỗ trợ đầu tư hoặc hỗ trợ sau đầu tư trồng rừng sản xuất, phát triển lâm sản ngoài gỗ theo Nghị định số 58/2024/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 42/2026/NĐ-CP. Việc bổ sung dẫn chiếu bảo đảm hồ sơ nghiệm thu phù hợp quy định hiện hành; đồng thời cần rà soát chính xác điều, khoản được sửa đổi trước khi trình thẩm định.
	Các nội dung còn lại	Các nội dung còn lại được đưa vào Phụ lục IV	Các quy định còn phù hợp về thời điểm, thành phần, hồ sơ, phương pháp, biểu mẫu

TT	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO THÔNG TƯ QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP VÀ CÁC BIỆN PHÁP LÂM SINH	THUYẾT MINH
			và tiêu chí nghiệm thu được kế thừa, hệ thống hóa tại phụ lục kèm theo Thông tư. Việc chuyển sang phụ lục không làm thay đổi bản chất, quyền và nghĩa vụ của các chủ thể; đồng thời cần rà soát loại bỏ nội dung trùng lặp, cập nhật toàn bộ dẫn chiếu và thống nhất thành phần nghiệm thu với định hướng phân định trách nhiệm của chủ đầu tư, đơn vị thi công, tư vấn giám sát và cơ quan phối hợp.
IV	Chương ... TỔ CHỨC THỰC HIỆN	Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN	Bố trí Chương IV về tổ chức thực hiện, gồm hiệu lực thi hành, bãi bỏ văn bản, điều khoản chuyển tiếp và trách nhiệm thi hành. Kết cấu được viết lại để phù hợp việc ban hành một Thông tư mới thay thế, hợp nhất nhiều nhóm quy định hiện hành.
		Điều 22. Điều khoản thi hành 1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2026. 2. Các quy định sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành: a) Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 quy định về các biện pháp lâm sinh;	Quy định thời điểm có hiệu lực; bãi bỏ các Thông tư hoặc phần quy định được thay thế để bảo đảm một nội dung chỉ được điều chỉnh tại một văn bản; xử lý chuyển tiếp đối với hồ sơ, dự án, thiết kế, hợp đồng và hoạt

TT	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO THÔNG TƯ QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP VÀ CÁC BIỆN PHÁP LÂM SINH	THUYẾT MINH
		b) Thông tư số 17/2022/TT-BNNPTNT ngày 27/10/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT; c) Điều 1 Thông tư số 24/2024/TT-BNNPTNT ngày 12/12/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp; d) Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019 Hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh (nội dung về nghiệm thu công trình lâm sinh); đ) Mục 1. Quản lý giống cây trồng lâm nghiệp - Chương II và Điều 16 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT tại Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT. 3. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó. Điều 23. Quy định chuyển tiếp 1. Tổ chức, cá nhân đã được cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ để giải quyết thủ tục hành chính trước ngày tháng năm 2027 mà chưa có kết quả thì tiếp tục được giải quyết theo quy định của pháp luật tại thời điểm tiếp nhận, trừ trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị thực hiện theo quy định của Thông tư này. 2. Văn bản, giấy phép, giấy chứng nhận là kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được cơ quan, người có thẩm quyền ban hành trước ngày ... tháng ... năm và chưa hết hiệu lực hoặc chưa hết thời	động nghiệm thu đã được phê duyệt hoặc đang thực hiện trước ngày Thông tư có hiệu lực; giao trách nhiệm tổ chức thi hành cho cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan. Danh mục văn bản bãi bỏ và nội dung chuyển tiếp phải được rà soát lần cuối, bảo đảm không tạo khoảng trống pháp lý hoặc làm ảnh hưởng quyền, lợi ích hợp pháp đã phát sinh.

TT	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO THÔNG TƯ QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP VÀ CÁC BIỆN PHÁP LÂM SINH	THUYẾT MINH
		hạn thì tiếp tục được áp dụng, sử dụng theo thời hạn ghi trên văn bản, giấy phép, giấy chứng nhận đó. Trường hợp tổ chức, cá nhân có nhu cầu được sửa đổi, bổ sung, cấp lại, gia hạn văn bản, giấy phép, giấy chứng nhận thì gửi văn bản đề nghị đến cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định tại Thông tư này giải quyết.	